

Số: 102 /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày 10 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh Nghị quyết số 43/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Quảng Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/NQ-QH ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ;

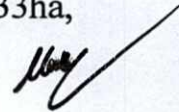
Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu;

Xét Tờ trình số 2084/TTr-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết điều chỉnh Nghị quyết số 43/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Quảng Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Nghị quyết số 43/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Quảng Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tổng diện tích đưa ra khỏi quy hoạch 3 loại rừng so với Nghị quyết số 43/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 1.020,33ha, trong đó:



- Diện tích rừng và đất lâm nghiệp đã có quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng của cấp có thẩm quyền: 731,64 ha (Trong đó: đất quy hoạch rừng phòng hộ 42,10 ha, đất quy hoạch rừng sản xuất 689,54 ha).

- Rà soát, điều chỉnh lần này để đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng: 288,69 ha (Trong đó: đất quy hoạch rừng phòng hộ 110,68 ha, đất quy hoạch rừng sản xuất 178,01 ha).

2. Diện tích đã chuyển loại rừng so với Nghị quyết số 43/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 99,92 ha, từ rừng trồng sản xuất sang rừng trồng phòng hộ.

3. Tổng diện tích sau rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Quảng Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030: 614.509,82 ha.

Trong đó, cơ cấu diện tích 3 loại rừng cụ thể như sau:

- Đất quy hoạch rừng đặc dụng: 144.310,83 ha
- Đất quy hoạch rừng phòng hộ: 151.836,02 ha
- Đất quy hoạch rừng sản xuất: 318.362,97 ha

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

Điều 2: Ngoài các nội dung điều chỉnh nêu trên, Nghị quyết số 43/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Quảng Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.



Trần Hải Châu



Phụ lục 01

RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH 3 LOẠI RỪNG TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số 102 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

DVT: Ha

TT	Loại rừng	Quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Quảng Bình theo Nghị quyết số 43/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018		Quy hoạch 3 loại rừng sau rà soát, điều chỉnh		Tăng(+), giảm(-) diện tích (ha)
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	Tổng	615.530,15	100	614.509,82	100	- 1.020,33
1	Đất rừng đặc dụng	144.310,83	23,44	144.310,83	23,48	0,0
2	Đất rừng phòng hộ	151.888,88	24,68	151.836,02	24,71	- 52,86
3	Đất rừng sản xuất	319.330,44	51,88	318.362,97	51,81	- 967,47



Phụ lục 02

TỔNG HỢP QUY HOẠCH 3 LOẠI RỪNG TỈNH QUẢNG BÌNH SAU RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH
 (Kèm theo Nghị quyết số 102 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

ĐVT: Ha

Huyện/ thành phố/ thị xã	Cộng	Đất quy hoạch rừng đặc dụng	Đất quy hoạch rừng phòng hộ	Đất quy hoạch rừng sản xuất
Thành phố Đồng Hới	5.691,32	-	4.060,73	1.630,59
Huyện Quảng Ninh	97.644,09	125,53	45.194,47	52.324,09
Huyện Lệ Thủy	98.244,26	22.350,49	3.418,27	72.475,50
Huyện Bố Trạch	164.887,00	90.639,91	20.612,68	53.634,41
Huyện Quảng Trạch	24.197,83	-	11.773,74	12.424,09
Thị xã Ba Đồn	5.715,36	-	1.293,07	4.422,29
Huyện Tuyên Hóa	94.266,32	509,42	30.747,40	63.009,50
Huyện Minh Hóa	123.863,64	30.685,48	34.735,66	58.442,50
Tổng cộng	614.509,82	144.310,83	151.836,02	318.362,97